

Số: 031/2015/BCKT-CT.0025

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

**Kính gửi: Quý cổ đông**  
**Các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Vận Tải Xăng Dầu Đồng Tháp, được lập ngày 20 tháng 03 năm 2015, từ trang 04 đến trang 25, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Vận Tải Xăng Dầu Đồng Tháp tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



**TRANG ĐẮC NHA**  
**Giám đốc**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 2111-2013-009-1  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN AFC VIỆT NAM – CN CẦN THƠ**  
 Thành phố Cần Thơ, ngày 20 tháng 03 năm 2015

**LÊ NGỌC HẢI**  
**Kiểm toán viên**

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0179-2013-009-1

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP  
Số 215-217 đường Trương Hán Siêu, phường Mỹ Phú, TP.Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>13.513.087.103</b>	<b>9.077.134.070</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4.1	5.682.123.403	2.806.173.608
Tiền	111		5.682.123.403	2.806.173.608
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
Đầu tư ngắn hạn	121		-	-
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		-	-
Các khoản phải thu	130		6.380.678.904	4.729.042.038
Phải thu khách hàng	131	4.2	3.396.579.104	4.114.076.896
Trả trước cho người bán	132	4.3	2.940.600.000	99.600.000
Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
Phải thu theo tiến độ KH hợp đồng XD	134		-	-
Các khoản phải thu khác	135	4.4	43.499.800	678.421.742
Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	139	4.2	-	(163.056.600)
Hàng tồn kho	140	4.5	293.812.862	246.421.372
Hàng tồn kho	141		293.812.862	246.421.372
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	150		1.156.471.934	1.295.497.052
Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
Thuế GTGT được khấu trừ	152	4.13	102.421.640	530.848.164
Các khoản thuế phải thu	154	4.13	114.537.911	-
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
Tài sản ngắn hạn khác	158	4.6	939.512.383	764.648.888

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP  
Số 215-217 đường Trương Hán Siêu, phường Mỹ Phú, TP.Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>54.909.580.989</b>	<b>59.342.354.272</b>
Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212		-	-
Phải thu nội bộ dài hạn	213		-	-
Phải thu dài hạn khác	218		-	-
Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>43.520.415.125</b>	<b>49.706.409.667</b>
TSCĐ hữu hình	221	4.7	41.220.872.852	49.340.409.667
- Nguyên giá	222		67.774.123.181	75.049.189.899
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(26.553.250.329)	(25.708.780.232)
TSCĐ thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
TSCĐ vô hình	227	4.8	366.000.000	366.000.000
- Nguyên giá	228		366.000.000	366.000.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		1.933.542.273	-
<b>Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>4.9</b>	<b>9.552.975.886</b>	<b>7.513.399.947</b>
Đầu tư vào công ty con	251		-	-
Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	-
Đầu tư dài hạn khác	258		15.805.976.460	12.463.976.460
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	259		(6.253.000.574)	(4.950.576.513)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>1.836.189.978</b>	<b>2.122.544.658</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	4.10	1.836.189.978	2.122.544.658
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
Tài sản dài hạn khác	268		-	-
			-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>68.422.668.092</b>	<b>68.419.488.342</b>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP  
Số 215-217 đường Trương Hán Siêu, phường Mỹ Phú, TP.Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>3.569.357.468</b>	<b>4.496.667.495</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>3.569.357.468</b>	<b>4.411.667.495</b>
Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
Phải trả cho người bán	312	4.11	718.456.777	1.007.211.223
Người mua trả tiền trước	313	4.12	80.632.620	16.325.140
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	314		-	1.128.401.117
Phải trả người lao động	315		791.512.031	1.293.979.056
Chi phí phải trả	316	4.14	697.241.630	682.373.350
Phải trả nội bộ	317		-	-
Phải trả theo tiến độ KH hợp đồng XD	318		-	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	4.15	1.338.493.549	559.902
Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	4.16	(56.979.139)	282.817.707
Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327		-	-
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>-</b>	<b>85.000.000</b>
Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
Phải trả dài hạn khác	333		-	85.000.000
Vay và nợ dài hạn	334		-	-
Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>64.853.310.624</b>	<b>63.922.820.847</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>4.17</b>	<b>64.853.310.624</b>	<b>63.922.820.847</b>
Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		43.705.100.000	43.705.100.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		4.412.000	4.412.000
Vốn khác của chủ sở hữu	413		735.528.390	735.528.390
Cổ phiếu quỹ	414		-	-
Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
Quỹ đầu tư phát triển	417		6.598.174.875	5.513.510.120
Quỹ dự phòng tài chính	418		3.074.935.995	2.915.631.479
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
Lợi nhuận chưa phân phối	420		10.735.159.364	11.048.638.858
Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
Nguồn kinh phí	432		-	-
Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>68.422.668.092</b>	<b>68.419.488.342</b>

48995  
CÔNG  
NHIỆM  
KẾ TOÁN  
VIỆT  
NHÀ  
AN TH

CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN TÀI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP

Số 215-217 đường Trương Hán Siêu, phường Mỹ Phú, TP.Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	Thuyết minh	31/12/2014	01/01/2014
Tài sản thuê ngoài		-	-
Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gởi		-	-
Nợ khó đòi đã xử lý		178.056.600	-
Ngoại tệ các loại USD		49.620,20	75.167,82
Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

*cal*

*cal*



LÊ THỊ THANH  
người lập biểu

LÊ THỊ THANH  
Kế toán trưởng

NGUYỄN HOÀNG QUÂN  
Giám đốc  
Đồng Tháp, ngày 20 tháng 03 năm 2015

002  
TY  
HỮU  
ÁN  
NA  
NH  
O  
C.P

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP  
Số 215-217 đường Trương Hán Siêu, phường Mỹ Phú, TP.Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

## BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tổng doanh thu	01	5.1	51.154.550.897	67.095.263.787
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>10</b>		<b>51.154.550.897</b>	<b>67.095.263.787</b>
Giá vốn hàng bán	11	5.2	18.170.745.071	22.889.975.466
<b>Lợi nhuận gộp</b>	<b>20</b>		<b>32.983.805.826</b>	<b>44.205.288.321</b>
Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.3	1.033.457.032	253.671.071
Chi phí tài chính	22	5.4	1.303.220.644	26.809.291
- Trong đó: lãi vay	23		-	-
Chi phí bán hàng	24	5.5	17.385.919.036	24.170.025.017
Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	5.6	7.428.917.984	7.749.859.709
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>30</b>		<b>7.899.205.194</b>	<b>12.512.265.375</b>
Thu nhập khác	31	5.7	7.116.920.498	2.782.387.557
Chi phí khác	32	5.8	3.286.159.440	900.808.540
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>40</b>		<b>3.830.761.058</b>	<b>1.881.579.017</b>
<b>Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế</b>	<b>50</b>		<b>11.729.966.252</b>	<b>14.393.844.392</b>
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.9	2.367.334.374	3.547.196.838
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>9.362.631.878</b>	<b>10.846.647.554</b>
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.11	2.142	2.482

*cul*

*cul*



LÊ THỊ THANH  
người lập biểu

LÊ THỊ THANH  
Kế toán trưởng

NGUYỄN HOÀNG QUÂN  
Giám đốc  
Đồng Tháp, ngày 20 tháng 03 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN VẠN TÀI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP

Số 215-217 đường Trương Hán Siêu, phường Mỹ Phú, TP.Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ** (Theo phương pháp gián tiếp)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

KHOẢN MỤC	Mã số	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
Lợi nhuận trước thuế	01	11.729.966.252	14.393.844.392
Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	4.868.734.954	5.028.695.426
Các khoản dự phòng	03	1.302.424.061	-
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(9.430.961)	(33.887.042)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(4.492.630.788)	(1.960.992.613)
Chi phí lãi vay	06	-	-
<b>Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>	<b>13.399.063.518</b>	<b>17.427.660.163</b>
Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(1.545.639.570)	1.647.764.565
Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(47.391.490)	(240.226.123)
Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế T	11	(1.130.513.673)	(1.227.120.173)
Tăng, giảm chi phí trả trước	12	286.354.680	239.277.588
Tiền lãi vay đã trả	13	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(3.460.193.882)	(3.106.463.076)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	-
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(1.746.095.125)	(1.590.346.375)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>	<b>5.755.584.458</b>	<b>13.150.546.569</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSHD khác	21	(1.933.542.273)	(8.800.571.707)
Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22	6.727.272.727	2.318.181.818
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(3.342.000.000)	-
Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	1.016.159.922	219.784.029
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>	<b>2.467.890.376</b>	<b>(6.262.605.860)</b>
<b>LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của	32	-	-
Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	-	-
Tiền chi trả nợ gốc vay	34	-	-
Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35	-	-
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(5.356.956.000)	(9.221.334.021)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(5.356.956.000)</b>	<b>(9.221.334.021)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>	<b>50</b>	<b>2.866.518.834</b>	<b>(2.333.393.312)</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	<b>60</b>	<b>2.806.173.608</b>	<b>5.105.679.878</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	9.430.961	33.887.042
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (50+60+61)</b>	<b>70</b>	<b>5.682.123.403</b>	<b>2.806.173.608</b>

*dal*  
LÊ THỊ THANH  
người lập biểu

*dal*  
LÊ THỊ THANH  
Kế toán trưởng

*dal*  
NGUYỄN HOÀNG QUÂN  
Giám đốc

Đồng Tháp, ngày 20 tháng 03 năm 2015

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh này là một bộ phận không thể tách rời được đọc cùng với các báo cáo tài chính đính kèm.

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

Công ty Cổ Phần Vận Tải Xăng Dầu Đồng Tháp là công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 5103000024 do Sở Kế hoạch và Đầu Tư tỉnh Đồng Tháp ngày 27 tháng 10 năm 2004. Trong quá trình hoạt động có sự thay đổi về vốn của Công ty đã được chuẩn y tại giấy phép đầu tư số 5103000024 ngày 30 tháng 04 năm 2007, số 5103000024 ngày 17 tháng 01 năm 2008. Do thêm ngành nghề kinh doanh Công ty đã thay đổi giấy phép đăng ký kinh doanh lần thứ 5 số 1400475345 ngày 07 tháng 12 năm 2009, thay đổi lần thứ 6 số 1400475345 ngày 06 tháng 09 năm 2010, thay đổi lần 7 số 1400475345 ngày 25 tháng 01 năm 2013.

Trụ sở Công ty được đặt tại Số 215-217 đường Trương Hán Siêu, phường Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

Theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, hoạt động của Công ty là:

- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa; Vận tải đường sông bằng sà lan, tàu thủy.
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ.
- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương.
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan; Mua bán xăng dầu, nhớt.

Trong năm 2014, hoạt động chính của Công ty là:

- Vận tải đường sông bằng sà lan, tàu thủy
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ; vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương.

Vào ngày 31 tháng 12 năm 2014, tổng số nhân viên của Công ty là 98 người (31/12/2013: 97 người).

### 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND"), được lập theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở giá gốc. Các chính sách kế toán được Công ty áp dụng nhất quán và phù hợp với các chính sách kế toán đã được sử dụng trong những năm trước.

Năm tài chính của Công ty được bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ được sử dụng trong kế toán là VND.

Hình thức sổ kế toán áp dụng của Công ty là Nhật ký chung

### 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

#### 3.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và tiền đang chuyển. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.



## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

### 3.2 Các giao dịch bằng ngoại tệ

Trong năm, các nghiệp vụ phát sinh bằng đồng tiền khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá liên ngân hàng tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Vào thời điểm cuối năm tài chính, số dư các tài sản bằng tiền và công nợ có gốc là đơn vị tiền tệ khác với VND được quy đổi ra VND theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại công bố vào ngày này.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm và chênh lệch đánh giá lại cuối năm được ghi nhận vào doanh thu hoặc chi phí hoạt động tài chính trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### 3.3 Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất do các khoản phải thu không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại thời điểm lập Bảng cân đối kế toán. Việc trích lập hoặc hoàn nhập khoản dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### 3.4 Các khoản đầu tư

Chứng khoán kinh doanh, đầu tư ngắn hạn và dài hạn được thể hiện bằng giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi giá thị trường của khoản đầu tư giảm xuống thấp hơn giá gốc hoặc nếu công ty nhận đầu tư bị lỗ. Dự phòng sẽ được hoàn nhập khi có sự tăng lên sau đó của giá trị có thể thu hồi do sự kiện khách quan xảy ra sau khi khoản dự phòng được lập. Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng được hạch toán vào chi phí tài chính trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

### 3.5 Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện thấp hơn giá gốc thì tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho và giá xuất kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

### 3.6 Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của một tài sản cố định bao gồm giá mua và các khoản chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản đó vào sử dụng. Những chi phí mua sắm, nâng cấp và đổi mới tài sản cố định được chuyển hóa thành tài sản cố định. Những chi phí bảo trì và sửa chữa được ghi vào chi phí của năm hiện hành.

Khi bán hay thanh lý tài sản, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế của tài sản được xóa sổ trong các báo cáo tài chính và bất kỳ các khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

48990  
CÔNG  
NHIỆM  
EM TC  
VIỆT  
NHÀ  
N TH  
- TP

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng theo thời gian hữu ích ước tính của các tài sản như sau :

	Năm
Nhà xưởng, vật kiến trúc	14
Phương tiện vận tải đường sông	14

### 3.7 Tài sản cố định vô hình

#### *Quyền sử dụng đất*

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao.

### 3.8 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang là chi phí mua sắm tàu mới hoàn chưa thành và không được tính khấu hao trong suốt giai đoạn đầu tư xây dựng dở dang.

### 3.9 Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí trả trước dài hạn trong năm là chi phí sửa chữa tài sản chờ phân bổ

### 3.10 Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả thương mại và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

### 3.11 Tiền lương

Đơn giá tiền lương, quỹ lương Giám đốc năm 2014 được phê duyệt theo công văn số 012/HĐTV-TMDK ngày 16 tháng 03 năm 2015 của Chủ tịch Công ty TNHH MTV Thương Mại Dầu Khí Đồng Tháp.

### 3.12 Các khoản trích theo lương

Bảo hiểm xã hội được trích trên tiền lương căn bản theo hợp đồng lao động vào chi phí là 18% và trừ lương cán bộ công nhân viên là 8%.

Bảo hiểm y tế được trích trên lương căn bản vào chi phí là 3% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1,5%.

Bảo hiểm thất-nghiệp được trích trên lương căn bản vào chi phí là 1% và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1%.

Kinh phí công đoàn được trích 2% lương cơ bản đưa vào chi phí và trừ vào lương cán bộ công nhân viên là 1%

### 3.13 Doanh thu

#### *Doanh thu cung cấp dịch vụ*

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận trên cơ sở:

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ;

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

### 3.14 Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") trong năm, nếu có, bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả kinh doanh ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc niên độ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến các năm trước.

### 3.15 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm.

### 3.16 Các bên có liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định tài chính và hoạt động. Các bên cũng được coi là liên quan nếu cùng được kiểm soát hoặc cùng chịu sự ảnh hưởng đáng kể của một bên thứ ba.

Công ty sau đây được xem là các bên có liên quan :

Công ty	Địa điểm	Quan hệ
Công ty TNHH MTV TM Dầu Khí Đồng Tháp	Đồng Tháp	Công ty mẹ

## 4. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 4.1 Tiền và các khoản tương đương tiền

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tiền mặt tồn quỹ - VND	90.986.032	3.676.480
Tiền gửi ngân hàng	5.591.137.371	2.802.497.128
- VND	4.530.753.697	1.217.959.482
- USD	1.060.383.674	1.584.537.646
	<u>5.682.123.403</u>	<u>2.806.173.608</u>

Chi tiết số dư các khoản tiền bằng ngoại tệ vào ngày 31 tháng 12 năm 2014:

	Gốc ngoại tệ	Tương đương VND
Tiền gửi ngân hàng		
- USD	49.620,20	1.060.383.674
	<u>49.620,20</u>	<u>1.060.383.674</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP  
 Số 215-217 đường Trương Hán Siêu, phường Mỹ Phú, TP.Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

**4.2 Phải thu khách hàng**

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Phải thu thương mại - Bên liên quan	2.349.955.446	3.230.760.054
Phải thu thương mại - Bên thứ ba	1.046.623.658	883.316.842
Dự phòng phải thu khó đòi	-	(163.056.600)
	<u>3.396.579.104</u>	<u>3.951.020.296</u>

**4.3 Trả trước cho người bán**

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Trả trước cho người bán - Bên thứ ba	2.940.600.000	99.600.000
	<u>2.940.600.000</u>	<u>99.600.000</u>

**4.4 Phải thu khác**

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Cổ tức đã ứng trước cho các cổ đông	-	510.314.400
Phải thu tiền thuế thu nhập cá nhân	-	150.079.520
Phải thu khác	43.499.800	18.027.822
	<u>43.499.800</u>	<u>678.421.742</u>

**4.5 Hàng tồn kho**

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Nguyên vật liệu	293.812.862	246.421.372
Cộng giá gốc hàng tồn kho	<u>293.812.862</u>	<u>246.421.372</u>

**4.6 Tài sản ngắn hạn khác**

	31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Tạm ứng tiền trang bị cho tàu mới mua	-	429.582.888
Tạm ứng tiền sửa chữa	30.317.000	-
Tạm ứng nhân viên đi công tác	909.195.383	335.066.000
	<u>939.512.383</u>	<u>764.648.888</u>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

### 4.7 Tình hình tăng giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Phương tiện vận tải VND	Cộng VND
<b>Nguyên giá</b>			
Vào ngày 01/01/2014	2.215.883.025	72.833.306.874	75.049.189.899
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-
Thanh lý	-	(7.275.066.718)	(7.275.066.718)
Vào ngày 31/12/2014	<b>2.215.883.025</b>	<b>65.558.240.156</b>	<b>67.774.123.181</b>
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Vào ngày 01/01/2014	327.859.835	25.380.920.397	25.708.780.232
Khấu hao trong năm	158.277.360	4.710.457.594	4.868.734.954
Thanh lý	-	(4.024.264.857)	(4.024.264.857)
Vào ngày 31/12/2014	<b>486.137.195</b>	<b>26.067.113.134</b>	<b>26.553.250.329</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Vào ngày 01/01/2014	1.888.023.190	47.452.386.477	49.340.409.667
Vào ngày 31/12/2014	<b>1.729.745.830</b>	<b>39.491.127.022</b>	<b>41.220.872.852</b>

### 4.8 Tình hình tăng giảm tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là quyền sử dụng đất lâu dài không trích khấu hao.

### 4.9 Các khoản đầu tư tài chính dài hạn

		31/12/2014 VND	01/01/2014 VND
Đầu tư dài hạn khác	(i)	15.805.976.460	12.463.976.460
Dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn	(ii)	(6.253.000.574)	(4.950.576.513)
		<b>9.552.975.886</b>	<b>7.513.399.947</b>

(i) Thông tin chi tiết về các khoản góp vốn đầu tư dài hạn khác của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 như sau:

Tên công ty góp vốn đầu tư	31/12/2014			01/01/2014		
	Giá trị đầu tư	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)	Giá trị đầu tư	Tỷ lệ phần sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết năm giữ (%)
Công ty CP Vận Tải Dầu Khí MeKong	7.046.000.000	7,58	7,58	5.604.000.000	6,03	6,03
Công ty CP BMC Đồng Tháp	2.626.576.460	14,06	14,06	2.626.576.460	14,06	14,06
Công ty CP Khách Sạn Mỹ Trà	300.000.000	0,57	0,57	300.000.000	0,57	0,57
Công ty CP Khai Nguyên	5.833.400.000	10,78	10,78	3.933.400.000	11,11	11,11
	<b>15.805.976.460</b>			<b>12.463.976.460</b>		

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP  
 Số 215-217 đường Trương Hán Siêu, phường Mỹ Phú, TP.Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.  
**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**  
 Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

(ii) Biến động trong năm của dự phòng giảm giá đầu tư:

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
Số dư đầu năm	4.950.576.513	4.950.576.513
Tăng dự phòng trong năm	1.302.424.061	-
Hoàn nhập	-	-
<b>Số dư cuối năm</b>	<b>6.253.000.574</b>	<b>4.950.576.513</b>

Khoản dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn tại Công ty Cổ phần Vận Tải Dầu Khí MeKong theo hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ tài chính và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi bổ sung Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009. Số liệu dùng làm cơ sở trích lập dự phòng giảm giá đầu tư dài hạn là Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty Cổ phần Vận Tải Dầu Khí MeKong chưa được kiểm toán.

**4.10 Chi phí trả trước dài hạn**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Chi phí sửa chữa tài sản chờ phân bổ	1.836.189.978	2.122.544.658
	<b>1.836.189.978</b>	<b>2.122.544.658</b>

**4.11 Phải trả người bán**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Phải trả người bán – Bên liên quan	-	-
Phải trả người bán – Bên thứ ba	718.456.777	1.007.211.223
	<b>718.456.777</b>	<b>1.007.211.223</b>

**4.12 Người mua trả tiền trước**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Người mua trả tiền trước – Bên liên quan	-	-
Người mua trả tiền trước – Bên thứ ba	80.632.620	16.325.140
	<b>80.632.620</b>	<b>16.325.140</b>

**4.13 Thuế**

**Thuế GTGT được khấu trừ**

	31/12/2014	01/01/2014
	VND	VND
Thuế GTGT được khấu trừ	102.421.640	530.848.164
	<b>102.421.640</b>	<b>530.848.164</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

<b>Thuế và các khoản phải thu nhà nước</b>		
	<b>31/12/2014</b> VND	<b>01/01/2014</b> VND
Thuế thu nhập doanh nghiệp	114.537.911	-
	<u>114.537.911</u>	<u>-</u>
<b>4.14 Chi phí phải trả</b>		
	<b>31/12/2014</b> VND	<b>01/01/2014</b> VND
Trích trước chi phí đi Campuchia	697.241.630	682.373.350
	<u>697.241.630</u>	<u>682.373.350</u>
<b>4.15 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác</b>		
	<b>31/12/2014</b> VND	<b>01/01/2014</b> VND
Phải trả cổ tức – Bên liên quan	1.337.495.523	121.923
Phải trả cổ tức – Bên thứ ba	998.026	437.979
	<u>1.338.493.549</u>	<u>559.902</u>
<b>4.16 Quỹ khen thưởng và phúc lợi</b>		
	<b>Năm 2014</b> VND	<b>Năm 2013</b> VND
Số dư đầu năm	282.817.707	308.956.253
Trích lập quỹ	576.198.279	1.249.107.829
Chi quỹ	(915.995.125)	(1.275.246.375)
Số dư cuối năm	<u>(56.979.139)</u>	<u>282.817.707</u>

5-002  
CỔ ĐÓNG  
CÁNH  
CÁNH

CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP  
Số 215-217 đường Trương Hán Siêu, phường Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

### 4.17 Vốn chủ sở hữu ("CSH")

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Vốn khác của chủ sở hữu VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận chưa phân phối VND	Tổng cộng vốn chủ sở hữu VND
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2013</b>	<b>43.705.100.000</b>	<b>4.412.000</b>	<b>735.528.390</b>	<b>4.452.125.333</b>	<b>2.384.939.086</b>	<b>10.351.092.313</b>	<b>61.633.197.122</b>
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trong năm	-	-	-	-	-	10.846.647.554	10.846.647.554
Trích lập quỹ	-	-	-	1.061.384.787	530.692.393	(1.592.077.180)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(1.249.107.829)	(1.249.107.829)
Chi thù lao HĐQT&BKS	-	-	-	-	-	(158.100.000)	(158.100.000)
Chi thường Ban điều hành	-	-	-	-	-	(157.000.000)	(157.000.000)
Chia 16% cổ tức năm 2012	-	-	-	-	-	(6.992.816.000)	(6.992.816.000)
<b>Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2014</b>	<b>43.705.100.000</b>	<b>4.412.000</b>	<b>735.528.390</b>	<b>5.513.510.120</b>	<b>2.915.631.479</b>	<b>11.048.638.858</b>	<b>63.922.820.847</b>
Lợi nhuận/(lỗ) thuần trong năm	-	-	-	-	-	9.362.631.878	9.362.631.878
Trích lập quỹ	-	-	-	1.084.664.755	542.332.338	(1.626.997.093)	-
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	-	(576.198.279)	(576.198.279)
Chi thù lao HĐQT&BKS	-	-	-	-	-	(290.100.000)	(290.100.000)
Chi thường Ban điều hành	-	-	-	-	-	(190.000.000)	(190.000.000)
Chia 16% cổ tức năm 2013	-	-	-	-	-	(6.992.816.000)	(6.992.816.000)
Giảm khác	-	-	-	-	(383.027.822)	-	(383.027.822)
<b>Số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2014</b>	<b>43.705.100.000</b>	<b>4.412.000</b>	<b>735.528.390</b>	<b>6.598.174.875</b>	<b>3.074.935.995</b>	<b>10.735.159.364</b>	<b>64.853.310.624</b>

Trong năm 2014 Công ty phân phối lợi nhuận, trích lập các quỹ và chia cổ tức cho các cổ đông từ lợi nhuận năm 2013 theo Biên bản họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2014 ngày 25 tháng 04 năm 2014, chi thường Ban điều hành theo Biên bản họp ngày 29 tháng 01 năm 2015. Trong năm 2014 Công ty có sử dụng quỹ dự phòng tài chính xử lý khoản nợ khó đòi theo Biên bản họp ngày 29 tháng 01 năm 2015 và bồi thường tai nạn tàu theo biên bản họp ngày 31 tháng 07 năm 2014.





## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	31/12/2014		01/01/2014	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
<b>Vốn cổ phần được duyệt</b>	4.370.510	43.705.100.000	4.370.510	43.705.100.000
<b>Vốn cổ phần đã phát hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	4.370.510	43.705.100.000	4.370.510	43.705.100.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
	<u>4.370.510</u>	<u>43.705.100.000</u>	<u>4.370.510</u>	<u>43.705.100.000</u>
<b>Số cổ phiếu đang lưu hành</b>				
Cổ phiếu phổ thông	4.370.510	43.705.100.000	4.370.510	43.705.100.000
Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	-
	<u>4.370.510</u>	<u>43.705.100.000</u>	<u>4.370.510</u>	<u>43.705.100.000</u>

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một phiếu biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty. Các quyền lợi của các cổ phiếu đã được Công ty mua lại đều bị tạm ngừng cho tới khi chúng được phát hành lại.

Biến động vốn cổ phần trong năm như sau:

	Năm 2014		Năm 2013	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Số dư đầu năm	4.370.510	43.705.100.000	4.370.510	43.705.100.000
Cổ phiếu phát hành trong năm	-	-	-	-
Cổ phiếu quỹ mua lại trong năm	-	-	-	-
Giảm vốn cổ phần trong năm	-	-	-	-
Số dư cuối năm	<u>4.370.510</u>	<u>43.705.100.000</u>	<u>4.370.510</u>	<u>43.705.100.000</u>

#### 4.18 Cổ tức

Theo Biên bản họp Đại hội cổ đông thường niên năm 2014 ngày 25 tháng 04 năm 2014 Công ty đã chia khoản cổ tức là: 6.992.816.000 VND (1.600 VND trên một cổ phiếu)

#### 4.19 Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

##### Quỹ đầu tư và phát triển

Theo biên bản họp đại hội cổ đông thường niên vào ngày 25/04/2014, Công ty đã trích lập 10% từ lợi nhuận sau thuế vào Quỹ Đầu tư và phát triển, quỹ này được thành lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

##### Quỹ dự phòng tài chính

Theo biên bản họp đại hội cổ đông thường niên vào ngày 25/04/2014, Công ty đã trích lập 5% từ lợi nhuận sau thuế vào Quỹ dự phòng tài chính nhằm mục đích bù đắp rủi ro về tài chính trong tương lai.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

### 5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

#### 5.1 Doanh thu

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Doanh thu cung cấp dịch vụ vận chuyển	50.983.150.897	66.162.079.242
Doanh thu cung cấp dịch vụ khác	171.400.000	933.184.545
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
<b>Doanh thu thuần</b>	<b>51.154.550.897</b>	<b>67.095.263.787</b>

#### 5.2 Giá vốn hàng bán

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Giá vốn cung cấp dịch vụ vận chuyển	18.170.745.071	22.889.975.466
	<b>18.170.745.071</b>	<b>22.889.975.466</b>

#### 5.3 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lãi tiền gửi	56.235.422	48.614.029
Cổ tức, lợi nhuận được chia	959.924.500	171.170.000
Chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	7.866.149	-
Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	9.430.961	33.887.042
	<b>1.033.457.032</b>	<b>253.671.071</b>

#### 5.4 Chi phí tài chính

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	796.583	23.388.791
Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	1.302.424.061	-
Chi phí tài chính khác	-	3.420.500
	<b>1.303.220.644</b>	<b>26.809.291</b>

#### 5.5 Chi phí bán hàng

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nhân viên	7.385.713.903	7.729.895.968
Chi phí vật liệu, bao bì	1.636.850.947	-
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	15.468.182	-
Chi phí khấu hao TSCĐ	4.710.457.594	4.868.152.494
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	678.473.090
Chi phí bằng tiền khác	3.637.428.410	10.893.503.465
	<b>17.385.919.036</b>	<b>24.170.025.017</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

### 5.6 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nhân viên quản lý	1.969.481.911	2.214.551.231
Chi phí đồ dùng văn phòng	-	6.090.000
Chi phí khấu hao TSCĐ	158.277.360	160.542.932
Thuế, phí và lệ phí	520.567.624	406.733.132
Chi phí bằng tiền khác	1.593.228.898	921.250.193
Chi phí sửa chữa tài sản cố định	3.187.362.191	4.040.692.221
	<b>7.428.917.984</b>	<b>7.749.859.709</b>

### 5.7 Thu nhập khác

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	6.727.272.727	2.318.181.818
Thu nhập từ bán phế liệu	62.162.834	10.000.000
Thu hoa hồng	-	33.229.000
Thu nhập khác	327.484.937	420.976.739
	<b>7.116.920.498</b>	<b>2.782.387.557</b>

### 5.8 Chi phí khác

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí thanh lý tài sản cố định	3.250.801.861	576.973.234
Chi phí khác	35.357.579	323.835.306
	<b>3.286.159.440</b>	<b>900.808.540</b>

### 5.9 Chi phí thuế thu nhập hiện hành

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	11.729.966.252	14.393.844.392
Các khoản điều chỉnh tăng (giảm) lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	(969.355.461)	(205.057.042)
Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
Chi phí không được trừ	-	-
Các khoản điều chỉnh giảm	(969.355.461)	(205.057.042)
- Thu nhập từ cổ tức được chia	(959.924.500)	(171.170.000)
- Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	(9.430.961)	(33.887.042)
Thu nhập tính thuế	10.760.610.791	14.188.787.350
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	22%	25%
Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp	2.367.334.374	3.547.196.838
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	<b>2.367.334.374</b>	<b>3.547.196.838</b>

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

### 5.10 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Chi phí nguyên liệu vật liệu	19.823.064.200	22.896.065.466
Chi phí nhân công	9.355.195.814	9.944.447.199
Chi phí khấu hao	4.868.734.954	5.028.695.426
Chi phí dịch vụ mua ngoài	-	678.473.090
Chi phí khác	8.938.587.123	16.262.179.011
	<b>42.985.582.091</b>	<b>54.809.860.192</b>

### 5.11 Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Việc tính toán lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 được dựa trên số lợi nhuận thuộc về cổ đông phổ thông là: 9.362.631.878 VND (2012: 10.846.647.554 VND) và số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền là 4.370.510 cổ phiếu (2013: 4.370.510 cổ phiếu), được tính như sau:

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	9.362.631.878	10.846.647.554
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
Các khoản điều chỉnh tăng		
Các khoản điều chỉnh giảm		
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	9.362.631.878	10.846.647.554
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	4.370.510	4.370.510
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	2.142	2.482

## 6. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Công ty có các tài sản tài chính như các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Nợ phải trả tài chính của Công ty chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của các khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động các nguồn tài chính phục vụ cho các hoạt động của Công ty.

### i. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của các công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro tiền tệ, rủi ro về giá hàng hóa và rủi ro về giá khác.

### ii. Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng giao dịch không thực hiện được nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh của mình (chủ yếu đối với tài khoản phải thu khách hàng), và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

### *Phải thu khách hàng*

Công ty thường xuyên theo dõi các khoản phải thu chưa thu được. Đối với các khách hàng lớn, Công ty xem xét sự suy giảm trong chất lượng tín dụng của từng khách hàng tại ngày lập báo cáo. Công ty tìm cách duy trì sự kiểm soát chặt chẽ các khoản phải thu tồn đọng và bố trí nhân sự kiểm soát tín dụng để giảm thiểu rủi ro tín dụng. Trên cơ sở này và việc các khoản phải thu khách hàng của Công ty có liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau, rủi ro tín dụng không tập trung đáng kể vào một khách hàng nhất định.

### *Tiền gửi ngân hàng*

Công ty chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến tại Việt Nam. Rủi ro tín dụng của số dư tiền gửi tại các ngân hàng được quản lý bởi bộ phận ngân quỹ của Công ty theo chính sách của Công ty. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trên bản cân đối kế toán tại ngày kết thúc năm tài chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 4.1. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với khoản tiền gửi ngân hàng là thấp.

### *iii. Rủi ro thanh khoản*

Rủi ro thanh khoản là rủi ro mà Công ty sẽ gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giảm thiểu rủi ro thanh khoản bằng cách duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban giám đốc cho rằng đủ để đáp ứng cho các hoạt động của công ty và giảm thiểu rủi ro do những biến động của luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến trên hợp đồng cơ sở chưa được chiết khấu:

	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Tổng cộng
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2014</b>			
Phải trả người bán	718.456.777	-	718.456.777
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	697.241.630	-	697.241.630
	<b>1.415.698.407</b>	<b>-</b>	<b>1.415.698.407</b>
	Dưới 1 năm	Từ 1 đến 5 năm	Tổng cộng
<b>Ngày 31 tháng 12 năm 2013</b>			
Phải trả người bán	1.007.211.223	-	1.007.211.223
Các khoản phải trả, phải nộp khác và chi phí phải trả	682.373.350	-	682.373.350
Nhận ký quỹ	-	85.000.000	85.000.000
	<b>1.689.584.573</b>	<b>85.000.000</b>	<b>1.774.584.573</b>

Công ty cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn cần thiết.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

### iv. Giá trị hợp lý

#### (1) So sánh giá trị hợp lý và giá trị ghi sổ

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013	Ngày 31 tháng 12 năm 2014	Ngày 31 tháng 12 năm 2013
<b>Tài sản tài chính</b>				
Các khoản cho vay và phải thu				
<i>Phải thu khách hàng</i>	1.046.623.658	720.260.242	1.046.623.658	720.260.242
<i>Phải thu các bên liên quan</i>	2.349.955.446	3.230.760.054	2.349.955.446	3.230.760.054
<i>Các khoản phải thu khác</i>	43.499.800	678.421.742	43.499.800	678.421.742
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán				
<i>Đầu tư dài hạn</i>	9.552.975.886	7.513.399.947	9.552.975.886	7.513.399.947
<i>Tiền và các khoản tương đương tiền</i>	5.682.123.403	2.806.173.608	5.682.123.403	2.806.173.608
<b>Tổng cộng</b>	<b>18.675.178.193</b>	<b>14.949.015.593</b>	<b>18.675.178.193</b>	<b>14.949.015.593</b>
<b>Nợ phải trả tài chính</b>				
Nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ				
<i>Phải trả người bán</i>	718.456.777	1.007.211.223	718.456.777	1.007.211.223
<i>Phải trả khác</i>	697.241.630	682.373.350	697.241.630	682.373.350
<i>Nhận ký quỹ</i>	-	85.000.000	-	85.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>1.415.698.407</b>	<b>1.774.584.573</b>	<b>1.415.698.407</b>	<b>1.774.584.573</b>

Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính không được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013. Tuy nhiên, Ban Giám đốc đã trình bày giá trị hợp lý của những tài sản và phải trả tài chính bằng với giá trị ghi sổ của chúng tại ngày kết thúc năm tài chính.

### 7. CÁC THÔNG TIN KHÁC

#### 7.1 Các giao dịch chủ yếu với các bên có liên quan

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Công ty TNHH MTV TM Dầu Khí Đồng Tháp	Cung cấp dịch vụ vận chuyển	42.310.379.083	48.683.184.526
	Trả cổ tức	2.228.956.000	5.795.285.600
	Bồi thường hàng thiếu	3.429.450.765	3.769.472.300
	Tiền thuê tàu	-	163.636.364



CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI XĂNG DẦU ĐỒNG THÁP  
Số 215-217 đường Trương Hán Siêu, phường Mỹ Phú, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Số dư các khoản phải thu/phải trả với các bên có liên quan**

Công ty liên quan	Nội dung nghiệp vụ	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
<b>Phải thu các bên liên quan</b>			
Công ty TNHH MTV TM Dầu Khí Đồng Tháp	Thu cước vận chuyển	2.349.955.446	3.230.760.054
<b>Phải trả các bên liên quan</b>			
Công ty TNHH MTV TM Dầu Khí Đồng Tháp	Cổ tức	1.337.495.523	121.923

**7.2 Lương thưởng và thù lao các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban Giám đốc trong năm tài chính như sau :**

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lương và thưởng	842.000.000	665.500.000
Thù lao	290.100.000	158.100.000
	<b>1.132.100.000</b>	<b>823.600.000</b>

*cat*

*cat*



\_\_\_\_\_  
**LÊ THỊ THANH**  
Người lập biểu

\_\_\_\_\_  
**LÊ THỊ THANH**  
Kế toán trưởng

\_\_\_\_\_  
**NGUYỄN HOÀNG QUÂN**  
Giám đốc  
Đồng Tháp, ngày 20 tháng 03 năm 2015